

Số: 496/TTr-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2024

TỜ TRÌNH TÓM TẮT

**Về Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương
và sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022); Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022), Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Văn bản số 2702-CV/ĐĐQH15 ngày 27/8/2024 của Đảng đoàn Quốc hội về việc chuẩn bị trình Quốc hội xem xét Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương; ý kiến thống nhất của Hội đồng thẩm định cấp nhà nước về Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương (tại cuộc họp ngày 09/9/2024); ý kiến của Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương (Công văn số 11308-CV/VPTW ngày 13/9/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng); Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 20/9/2024 của Hội nghị Trung ương 10 (khóa XIII) về đồng ý chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương; đề nghị của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (tại Tờ trình số 8618/TTr-UBND, Báo cáo số 422/BC-UBND ngày 14/8/2024) và của Bộ Nội vụ (tại Tờ trình số 5681/TTr-BNV ngày 16/9/2024). Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội như sau:

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Trong lịch sử xây dựng và phát triển đất nước, Thừa Thiên Huế luôn giữ vai trò và vị thế quan trọng; trong đó, với vị trí nằm ở trung độ của cả nước, tỉnh có vai trò kết nối 3 miền Bắc - Trung - Nam, có bề dày về lịch sử, văn hóa



được hình thành và phát triển qua dòng chảy gần 720 năm của vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế, chứa đựng tinh hoa, giá trị biểu trưng trí tuệ và văn minh của dân tộc Việt Nam; là nơi từng là kinh đô của triều đại Tây Sơn (1788 - 1802) và 143 năm với vương triều Nhà Nguyễn (1802 - 1945).

2. Thừa Thiên Huế là địa phương duy nhất ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á có 08 di sản được UNESCO ghi danh, trong đó có 06 di sản riêng, gồm: Quần thể di tích Cố đô Huế, nhã nhạc - âm nhạc cung đình Việt Nam, mộc bản triều Nguyễn, châu bản triều Nguyễn, thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế, những bản đúc nổi trên chín đỉnh đồng ở Hoàng Cung Huế và 02 di sản chung với các địa phương khác: Di sản Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ và Nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ.

3. Xác định vai trò, vị thế của vùng đất có bề dày lịch sử, văn hoá của đất nước, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều Nghị quyết, Kết luận quan trọng về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế. Đặc biệt, ngày 10/12/2019 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 54-NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nhấn mạnh mục tiêu đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

4. Triển khai các Kết luận, Nghị quyết của trung ương, việc xây dựng Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương sẽ tạo động lực phát triển mới không chỉ cho thành phố Huế mà còn đóng góp thiết thực cho khu vực miền Trung và cả nước; bảo tồn, phát huy tốt hơn giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hoá Huế với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh theo tinh thần Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Trên cơ sở đó, việc xây dựng Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương và sắp xếp, thành lập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

a) Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Thông báo Kết luận số 175-TB/TW ngày 01/8/2014 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 48-KL/TW;

b) Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có mục tiêu: *“Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh”*.

c) Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã xác định nhiệm vụ *“Phát triển các đô thị trung tâm, đô thị hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng như xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Khánh Hòa trở thành thành*

phố trực thuộc Trung ương”.

d) Ý kiến của Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương tại Công văn số 11308-CV/VPTW ngày 13/9/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng.

đ) Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 20/9/2024 của Hội nghị Trung ương 10 (khóa XIII) về đồng ý chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương.

2. Căn cứ pháp lý

a) Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW đề ra nhiệm vụ lập Đề án xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế.

b) Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050; số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 về phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 và số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 về phê duyệt hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã xác định: *“Phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương, là đô thị trung tâm của vùng, tiểu vùng; đô thị cấp quốc gia đặc trưng về di sản, văn hóa; là một trong những trung tâm lớn của cả nước về văn hóa, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, y tế chuyên sâu, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao”*; số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã định hướng xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương với 09 ĐVHC cấp huyện gồm 02 quận, 03 thị xã và 04 huyện.

3. Căn cứ thực tiễn

a) Sau gần 15 năm xây dựng và phát triển kể từ thời điểm Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 48-KL/TW, tỉnh đã đạt được những thành tựu và kết quả quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, cụ thể là: Năm 2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,03%, tốc độ tăng trưởng GRDP cao hơn mức bình quân chung của cả nước; thu ngân sách nhà nước đạt 11.350 tỷ đồng; chi ngân sách địa phương thực hiện 10.487 tỷ đồng; tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 73.230 tỷ đồng (giá hiện hành); GRDP bình quân đầu người ước đạt 62,6 triệu đồng (2.665 USD/người), tăng 9,5% so cùng kỳ; bảo đảm quốc phòng, an ninh được giữ vững, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng: Công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế (89,1%). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 31.000 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2022.

b) Ngày 30/8/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg công nhận khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương đạt tiêu chí đô thị loại I; các khu vực thành lập

quận, thị xã, phường thuộc thành phố trực thuộc trung ương đã được công nhận đạt tiêu chí về phân loại đô thị và trình độ cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định.

c) Thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương là một bước quan trọng cụ thể hóa Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị, thể hiện rõ quyết tâm chính trị của tỉnh trên cơ sở ý chí, nguyện vọng và sự đồng thuận cao của Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, tạo không gian và động lực phát triển mới không chỉ đối với thành phố Huế mà còn cho Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước; là tiền đề quan trọng để hoàn thành mục tiêu “Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao” theo định hướng tại Nghị quyết số 54-NQ/TW.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ, tỉnh Thừa Thiên Huế và các Bộ, cơ quan trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; xây dựng Đề án lấy ý kiến Nhân dân, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và thông qua HĐND các cấp theo quy định. Trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng, tiếp thu tối đa các ý kiến góp ý, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế và các Bộ, cơ quan trung ương hoàn thiện Đề án. Ngày 09/9/2024, Hội đồng thẩm định cấp nhà nước đã họp và thống nhất thông qua với số phiếu tán thành đạt 100% (17/17 thành viên). Ban cán sự đảng Chính phủ đã xem xét, thống nhất và trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương xem xét, đồng ý về chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương. Trên cơ sở đó, Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

IV. TÊN GỌI “THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG”

Tên gọi thành phố Huế trực thuộc trung ương gắn với địa danh Huế đã có lịch sử hình thành lâu đời và đã khắc sâu trong ký ức của người dân Huế nói riêng, người Việt Nam và bạn bè quốc tế nói chung, tạo được sự đồng thuận trong hệ thống chính trị, sự đồng tình, ủng hộ cao của Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phần thứ hai NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. HIỆN TRẠNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ VÀ PHƯƠNG ÁN, KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Hiện trạng tỉnh Thừa Thiên Huế¹

Tỉnh Thừa Thiên Huế hiện có 4.947,11 km² diện tích tự nhiên² và quy mô dân số 1.236.393 người; có 09 ĐVHC cấp huyện (thành phố Huế, 02 thị xã Hương Thủy, Hương Trà và 06 huyện Nam Đông, Phú Lộc, Phú Vang, A Lưới,

¹ Số liệu diện tích tự nhiên theo Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai của cả nước năm 2022; không bao gồm phần địa giới hành chính chưa xác định giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng có diện tích 761 ha (7,61 km²).

Số liệu quy mô dân số do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp tính đến ngày 31/12/2023.

² Ngày 18/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 144/NQ-CP về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng do lịch sử để lại.

Quảng Điền, Phong Điền); có 141 ĐVHC cấp xã (95 xã, 39 phường, 07 thị trấn); tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2023 đạt 55,01% (680.164 người/1.236.393 người).

2. Phương án sắp xếp, thành lập

a) Thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương trên cơ sở nguyên trạng 4.947,11 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 1.236.393 người của tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Đồng thời với thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương, thành lập 02 quận, 01 thị xã, 01 huyện và 11 phường, 01 xã, 01 thị trấn thuộc thành phố Huế trực thuộc trung ương trên cơ sở sắp xếp, thành lập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có liên quan. Cụ thể như sau:

- Thành lập 02 quận (Phú Xuân, Thuận Hóa) thuộc thành phố Huế trực thuộc trung ương trên cơ sở thành phố Huế hiện hữu.

- Thành lập thị xã Phong Điền trên cơ sở nguyên trạng huyện Phong Điền.

- Nhập huyện Nam Đông với huyện Phú Lộc để thành lập huyện Phú Lộc mới.

- Thành lập 11 phường, 01 thị trấn và 01 xã trên cơ sở sắp xếp 21 ĐVHC cấp xã (02 phường, 01 thị trấn, 18 xã).

(Chi tiết Phương án sắp xếp, thành lập các ĐVHC tại Phụ lục I kèm theo).

3. Kết quả

Thành phố Huế trực thuộc trung ương có 4.947,11 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 1.236.393 người; có 09 ĐVHC cấp huyện, gồm: 02 quận, 03 thị xã, 04 huyện (không thay đổi số lượng ĐVHC cấp huyện nhưng có giảm 01 thành phố, 02 huyện và tăng 02 quận, 01 thị xã); có 133 ĐVHC cấp xã, gồm: 78 xã, 48 phường, 07 thị trấn (giảm 08 ĐVHC cấp xã, trong đó giảm 17 xã và tăng 09 phường); tỷ lệ đô thị hóa 63,02% (779.207 người/1.236.393 người).

4. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách và giải quyết chế độ, chính sách đối với ĐVHC cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp, thành lập

Đề án đã có phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố Huế trực thuộc trung ương và các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trực thuộc; bố trí, giải quyết số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư; trụ sở, tài sản công dôi dư và thực hiện các chính sách đặc thù trên địa bàn theo đúng quy định.

(Chi tiết phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các ĐVHC hình thành sau sắp xếp, thành lập tại Phụ lục II kèm theo).

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CỦA THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ SAU SẮP XẾP, THÀNH LẬP

1. Về điều kiện

Việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương và sắp xếp, thành lập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã bảo đảm đạt đủ 05 điều kiện quy định tại Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

2. Về tiêu chuẩn

Thành phố Huế trực thuộc trung ương và các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp, thành lập đã bảo đảm đạt đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị

quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15) và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

(Chi tiết đánh giá tiêu chuẩn của thành phố Huế trực thuộc trung ương và các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp, thành lập tại Phụ lục I kèm theo).

III. HỒ SƠ ĐỀ ÁN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP ĐỀ ÁN

1. Về hồ sơ đề án

Hồ sơ đề án đã thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15) và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

2. Về trình tự, thủ tục lập Đề án

a) Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng Báo cáo tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Xây dựng Đề án lấy ý kiến Nhân dân, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý; thông qua HĐND các cấp theo quy định.

- Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế và các Bộ, cơ quan trung ương nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ các ý kiến để hoàn thiện Đề án. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Hội đồng thẩm định cấp nhà nước để tổ chức thẩm định theo quy định.

b) Bộ Nội vụ đã trình Ban cán sự đảng Chính phủ xem xét, thống nhất và trình Bộ Chính trị về Đề án (Tờ trình số 3240-TTr/BCSDCP ngày 10/9/2024).

c) Căn cứ ý kiến của Bộ Chính trị (tại Công văn số 11308-CV/VPTW ngày 13/9/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng) và Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 20/9/2024 của Hội nghị Trung ương 10 (khóa XIII) về đồng ý chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nội vụ phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ các ý kiến và hoàn thiện Đề án.

d) Căn cứ kết quả biểu quyết của Thành viên Chính phủ, Chính phủ đã ban Nghị quyết số 145/NQ-CP ngày 18/9/2024 thông qua hồ sơ Đề án và giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương và sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, của khu vực miền Trung và của địa phương đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đề án đã đánh giá tác động khi thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Việc xây dựng Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương có ý nghĩa chính trị đặc biệt quan trọng, thể hiện rõ ý chí, khát vọng, sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân; tạo động lực để Thừa Thiên Huế phát triển nhanh và bền vững, góp phần hiện thực hoá Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đồng thời tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội Vùng và góp phần phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Phần thứ ba **KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Trên cơ sở nội dung nêu trên, Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương.
2. Xem xét, quyết định theo thẩm quyền các nội dung: (1) Thành lập 02 quận thuộc thành phố Huế trực thuộc trung ương; (2) Thành lập thị xã Phong Điền và sắp xếp, thành lập các ĐVHC cấp xã thuộc thị xã Phong Điền; (3) Sắp xếp, thành lập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

(Kèm theo các Đề án của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế triển khai thực hiện sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết và các tài liệu liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó TTg Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (15);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (70);
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội (10);
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Quốc hội;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Lưu: VT, NC.

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ



Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN, ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
(Kèm theo Tờ trình số: 496/TTr-CP ngày 20/9/2024 của Chính phủ)

| STT | Phương án | Tên ĐVHC sau sắp xếp | Diện tích (km ²) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Loại đô thị/trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị | Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội |
|-----|---|----------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|---|--|
| I | Thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của tỉnh Thừa Thiên Huế | Thành phố Huế | 4.947,11 | 659,61 | 1.236.393 | 247,28 | Đạt (Theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 30/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đạt tiêu chí đô thị loại I) | Đạt (06/06 tiêu chí) |
| II | Thành lập các quận thuộc thành phố Huế trực thuộc trung ương | | | | | | | |
| 1 | Thành lập quận Phú Xuân trên cơ sở 127,05 km ² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 203.142 người và 13 phường (An Hòa, Đông Ba, Gia Hội, Thuận Lộc, Tây Lộc, Thuận Hòa, Kim Long, Hương Sơ, Hương Long, Phú Hậu, Hương An, Hương Vinh, Long Hồ) của thành phố Huế hiện hữu | Quận Phú Xuân | 127,05 | 726,00 | 203.142 | 270,86 | Đạt (Theo Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 04/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường thuộc khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị) | Đạt (06/06 tiêu chí) |
| 2 | Thành lập quận Thuận Hóa trên cơ sở 139,41 km ² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 297.507 người và 19 phường (An Cựu, An Tây, Võ Dạ, Phước Vĩnh, | Quận Thuận Hóa | 139,41 | 796,63 | 297.507 | 396,68 | Đạt (Theo Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 04/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công | Đạt (06/06 tiêu chí) |

| STT | Phương án | Tên ĐVHC sau sắp xếp | Diện tích (km ²) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Loại đô thị/trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị | Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội |
|-----|---|----------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|---|--|
| | Trường An, Phú Nhuận, Thủy Biều, Phú Hội, An Đông, Vĩnh Ninh, Phường Đức, Thủy Xuân, Xuân Phú, Thủy Vân, Phú Thượng, Hương Phong, Thủy Bằng, Thuận An, Dương Nỗ) của thành phố Huế hiện hữu | | | | | | nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường thuộc khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị) | |
| III | Thành lập thị xã Phong Điền và sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thị xã Phong Điền | | | | | | | |
| 1 | Thành lập thị xã Phong Điền thuộc thành phố Huế trực thuộc trung ương trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế | Thị xã Phong Điền | 945,66 | 472,83 | 105.597 | 105,60 | Đạt (Theo Quyết định số 750/QĐ-BXD ngày 02/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt tiêu chí đô thị loại IV) | Đạt (06/06 tiêu chí) |
| 2 | Nhập xã Phong Thu (26,59 km ² , đạt 15,71%; 3.654 người, đạt 80,69%) và thị trấn Phong Điền (18,75 km ² , đạt 37,86%; 8.155 người, đạt 231,68%) để thành lập phường thuộc thị xã Phong Điền | Phường Phong Thu | 45,34 | 824,36 | 11.809 | 236,18 | Đạt (Theo Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 02/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường trên địa bàn đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường của đô thị loại IV) | Đạt (03/03 tiêu chí) |

| STT | Phương án | Tên ĐVHC sau sắp xếp | Diện tích (km ²) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Loại đô thị/trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị | Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội |
|-----|--|----------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|---|--|
| 3 | Nhập 2 xã: xã Điền Hải (12,69 km ² , đạt 15,71%; 5.067 người, đạt 80,69%) và xã Phong Hải (5,47 km ² , đạt 37,86%; 4.026 người, đạt 231,68%) để thành lập phường thuộc thị xã Phong Điền | Phường Phong Hải | 18,16 | 330,18 | 9.093 | 181,86 | Đạt (Theo Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 02/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường trên địa bàn đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường của đô thị loại IV) | Đạt (03/03 tiêu chí) |
| 4 | Nhập 2 xã: xã Điền Lộc (13,61 km ² , đạt 15,71%; 5.561 người, đạt 80,69%) và xã Điền Hòa (13,55 km ² , đạt 37,86%; 4.571 người, đạt 231,68%) để thành lập phường thuộc thị xã Phong Điền | Phường Phong Phú | 27,16 | 493,82 | 10.132 | 202,64 | Đạt (Theo Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 02/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường trên địa bàn đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường của đô thị loại IV) | Đạt (03/03 tiêu chí) |
| 5 | Thành lập phường Phong An thuộc thị xã Phong Điền trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của xã Phong An, huyện Phong Điền | Phường Phong An | 32,38 | 588,66 | 13.924 | 278,48 | Đạt (Theo Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 02/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường trên địa bàn đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt các tiêu | Đạt (03/03 tiêu chí) |

| STT | Phương án | Tên ĐVHC sau sắp xếp | Diện tích (km ²) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Loại đô thị/trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị | Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội |
|-----|--|----------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|---|--|
| | | | | | | | chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường của đô thị loại IV) | |
| 6 | Thành lập phường Phong Hiền thuộc thị xã Phong Điền trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của xã Phong Hiền, huyện Phong Điền | Phường Phong Hiền | 39,48 | 717,82 | 7.823 | 156,46 | Đạt (Theo Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 02/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường trên địa bàn đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường của đô thị loại IV) | Đạt (03/03 tiêu chí) |
| 7 | Thành lập phường Phong Hòa thuộc thị xã Phong Điền trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của xã Phong Hòa, huyện Phong Điền | Phường Phong Hòa | 34,27 | 623,00 | 8.334 | 166,68 | Đạt (Theo Quyết định số 751/QĐ-BXD ngày 02/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập các phường trên địa bàn đô thị Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với phường của đô thị loại IV) | Đạt (03/03 tiêu chí) |
| 8 | Nhập 2 xã: xã Điền Hương (17,26 km ² , đạt 15,71%; 3.114 người, đạt 80,69%) và xã Điền Môn (16,43 km ² , đạt 37,86%; 3.124 người, đạt 231,68%) thuộc thị xã Phong Điền | Xã Phong Thạnh | 33,69 | 112,30 | 6.238 | 155,95 | | |

| STT | Phương án | Tên ĐVHC sau sắp xếp | Diện tích (km ²) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Loại đô thị/trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị | Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội |
|-----|--|----------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|---|--|
| IV | Sắp xếp, thành lập các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | | | | | | | |
| 1 | Nhập 2 huyện: huyện Nam Đông (647,82 km ² , đạt 30%; 26.427 người, đạt 43,99% so với tiêu chuẩn) và huyện Phú Lộc (720,41 km ² , đạt 48,57%; 154.179 người, đạt 97,30%) | Huyện Phú Lộc | 1.368,23 | 304,05 | 180.606 | 150,51 | | |
| 2 | Nhập xã Hương Thọ (46,91 km ² , đạt 15,71%; 5.554 người, đạt 80,69%) và phường Hương Hồ (33,53 km ² , đạt 37,86%; 10.670 người, đạt 231,68%) để thành lập phường thuộc thành phố Huế | Phường Long Hồ | 80,44 | 1.462,5 5 | 16.224 | 231,77 | Đạt (Theo Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 04/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường thuộc khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị) | Đạt (03/03 tiêu chí) |
| 3 | Nhập xã Hải Dương (9,69 km ² , đạt 15,71%; 6.741 người, đạt 80,69%) và phường Thuận An (16,28 km ² , đạt 37,86%; 24.003 người, đạt 231,68%) để thành lập phường thuộc thành phố Huế | Phường Thuận An | 25,97 | 472,18 | 30.744 | 439,20 | Đạt (Theo Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 04/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường thuộc khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị) | Đạt (03/03 tiêu chí) |

| STT | Phương án | Tên ĐVHC sau sắp xếp | Diện tích (km ²) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Loại đô thị/trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị | Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội |
|-----|---|----------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|---|--|
| 4 | Nhập xã Phú Dương (5,85 km ² , đạt 15,71%; 12.266 người, đạt 80,69%); xã Phú Mậu (7,17 km ² , đạt 15,71%; 10.953 người, đạt 80,69%) và xã Phú Thanh (7,61 km ² , đạt 37,86%; 4.766 người, đạt 231,68%) để thành lập phường thuộc thành phố Huế | Phường Dương Nỗ | 20,63 | 375,09 | 27.985 | 399,79 | Đạt (Theo Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 04/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường thuộc khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị) | Đạt (03/03 tiêu chí) |
| 5 | Thành lập phường Thủy Bằng thuộc thành phố Huế trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của xã Thủy Bằng, thành phố Huế | Phường Thủy Bằng | 22,78 | 414,18 | 9.153 | 130,76 | Đạt (Theo Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 04/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường thuộc khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị) | Đạt (03/03 tiêu chí) |
| 6 | Thành lập phường Hương Phong thuộc thành phố Huế trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của xã Hương Phong, thành phố Huế | Phường Hương Phong | 16,68 | 303,27 | 10.574 | 151,06 | Đạt (Theo Quyết định số 844/QĐ-BXD ngày 04/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường thuộc khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến thành lập thành phố trực | Đạt (03/03 tiêu chí) |

| STT | Phương án | Tên ĐVHC sau sắp xếp | Diện tích (km ²) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số (người) | Tỷ lệ so với tiêu chuẩn | Loại đô thị/trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị | Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội |
|-----|--|----------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|--|--|
| | | | | | | | thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị) | |
| 7 | Thành lập thị trấn Lộc Sơn thuộc huyện Phú Lộc trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính của xã Lộc Sơn, huyện Phong Điền | Thị trấn Lộc Sơn | 18,99 | 135,66 | 8.593 | 107,41 | Đạt (Theo tiêu chí đô thị loại V theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế) | Đạt (03/03 tiêu chí) |

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY; LỘ TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ SAU KHI THÀNH LẬP THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ SẮP XẾP, THÀNH LẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
(Kèm theo Kèm theo Tờ trình số: 496/TTr-CP ngày 20/9/2024 của Chính phủ)

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổ chức rà soát, đánh giá và căn cứ theo nguyện vọng, trình độ, năng lực của từng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đảm bảo dân chủ, công khai, giải quyết chính sách thỏa đáng, tạo điều kiện để cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã yên tâm công tác và ổn định cuộc sống; xây dựng Phương án, lộ trình giải quyết cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư sau sắp xếp ĐVHC của thành phố Huế (trực thuộc trung ương) như sau:

1. Đối với thành phố Huế trực thuộc trung ương:

Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh Thừa Thiên Huế hiện tại. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước. Chuyển toàn bộ đại biểu HĐND tỉnh thành đại biểu HĐND thành phố và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố Huế cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của tỉnh Thừa Thiên Huế hiện tại. Bố trí lại một số chức danh cho phù hợp với chức năng của thành phố trực thuộc Trung ương. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền mới.

Đối với các tổ chức cơ sở Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại ĐVHC thực hiện sắp xếp, thành lập.

Tổ chức bộ máy và trụ sở làm việc của Công an thành phố Huế được giữ nguyên như Công an tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay với số lượng chỉ huy và các bộ phận công tác: Phòng An ninh đối ngoại; phòng An ninh đối nội; phòng An ninh chính trị nội bộ; phòng An ninh kinh tế; phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; phòng Kỹ thuật nghiệp vụ và Ngoại tuyến; phòng quản lý Xuất Nhập cảnh; phòng An ninh điều tra; Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra; phòng Cảnh sát hình sự; phòng Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường (Cảnh sát Kinh tế); phòng cảnh sát điều tra về tội phạm về ma túy; phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; phòng Cảnh

sát phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng Cảnh sát giao thông; phòng Kỹ thuật hình sự; phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Trại tạm giam; phòng Cảnh sát cơ động; phòng Tham mưu; phòng Hồ sơ nghiệp vụ; phòng Tổ chức cán bộ; phòng Công tác Đảng và Công tác Chính trị; Thanh tra Công an tỉnh; Cơ quan ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh; Phòng hậu cần.

Đối với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, UBND tỉnh sẽ phối hợp và báo cáo với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đồng thời với Nghị quyết thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương.

Đối với đơn vị sự nghiệp trường học, trạm y tế: Thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các ĐVHC công lập thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.

2. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cấp huyện thực hiện sắp xếp, thành lập:

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị có liên quan là 11.133 biên chế (66 cán bộ, 529 công chức và 10.538 viên chức); cụ thể: Huyện Nam Đông có 821 biên chế (16 cán bộ, 97 công chức và 708 viên chức), huyện Phú Lộc có 2.220 biên chế (17 cán bộ, 113 công chức và 2.090 viên chức), huyện Phong Điền có 1.999 biên chế (16 cán bộ, 116 công chức và 1.867 viên chức), thành phố Huế hiện hữu có 6.093 biên chế (17 cán bộ, 203 công chức và 5.873 viên chức). Số dôi dư ở cấp huyện là: 64 biên chế (16 cán bộ, 28 công chức, 20 viên chức).

a) Thị xã Phong Điền:

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị có liên quan là 1.999 biên chế (16 cán bộ, 116 công chức và 1.867 viên chức). Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của huyện Phong Điền hiện tại. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước.

b) Huyện Phú Lộc (sau khi nhập huyện Nam Đông và Phú Lộc)

Sau sắp xếp huyện Phú Lộc và huyện Nam Đông để thành lập huyện Phú Lộc mới có 3.041 biên chế (khối Đảng, đoàn thể: 102 biên chế; khối chính quyền: 2.939 biên chế). Trong có, bố trí 2.997 biên chế (17 cán bộ, 182 công chức và 2.778 viên chức); dự kiến dôi dư 64 biên chế (16 cán bộ, 28 công chức, 20 viên chức).

c) Quận Phú Xuân và Quận Thuận Hóa (sau khi điều chỉnh địa giới thành phố Huế hiện hữu thành 02 quận)

Tổng biên chế được giao của thành phố Huế (hiện hữu) có 6.093 biên chế, bố trí cho 02 quận, như sau:

- Đối với quận Phú Xuân và quận Thuận Hóa: Tổng biên chế được giao của thành phố Huế hiện hữu, gồm: 6.093 biên chế (17 cán bộ, 203 công chức và 5.873 viên chức; bố trí biên chế cho 02 quận như sau:

+ Đối với quận Phú Xuân: Dự kiến giao 2.487 biên chế (17 cán bộ, 71 công chức và 2.399 viên chức). Dự kiến thiếu 55 biên chế (17 cán bộ, 25 công chức và 13 viên chức).

+ Đối với quận Thuận Hóa: Dự kiến giao 3.606 biên chế (17 cán bộ, 115 công chức và 3.474 viên chức). Dự kiến đảm bảo đủ biên chế.

Theo đó tỉnh đã có phương án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và giải quyết chế độ khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp. Trước mắt ưu tiên bố trí theo hiện trạng; đối với dôi dư ở cấp huyện do sắp xếp là: 64 người dự kiến điều chuyển sang các vị trí phù hợp ở các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh còn thiếu, như quận Phú Xuân và quận Thuận Hóa (hoặc thay thế các vị trí phù hợp ở đơn vị có người nghỉ hưu, nghỉ chế độ theo quy định); đồng thời, thực hiện giảm theo lộ trình từng năm để đảm bảo số lượng cấp phó và cán bộ, công chức đúng quy định; cụ thể:

- Năm 2025:

Điều động, luân chuyển, nghỉ hưu theo chế độ: 40 biên chế (trong đó: Điều chuyển biên chế về 02 quận Phú Xuân và Thuận Hoá và các vị trí phù hợp ở các đơn vị trên địa bàn tỉnh còn thiếu là 30 biên chế; nghỉ hưu theo chế độ chính sách là 10 người).

- Năm 2026:

Điều động, luân chuyển, nghỉ hưu theo chế độ: 24 biên chế (trong đó: Điều chuyển biên chế về 02 quận Phú Xuân và Thuận Hoá và các vị trí phù hợp ở các đơn vị trên địa bàn tỉnh còn thiếu là 19 biên chế; nghỉ hưu theo chế độ chính sách là 05 người).

Đến ngày 31/12/2026 sẽ không còn cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện dôi dư; đảm bảo số lượng theo quy định.

3. Tổng số cán bộ, công chức tại 21 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, thành lập là 450 người (trong đó có 225 cán bộ, 225 công chức); bố trí đảm bảo theo quy định là 290 người (142 cán bộ, 148 công chức), dôi dư 160 người (83 cán bộ, 77 công chức). Số CBCC cấp xã dự kiến nghỉ hưu theo nghị định, đề nghị tinh giản biên chế và theo chính sách hỗ trợ của tỉnh; luân chuyển, điều động sang ĐVHC khác cấp xã khác còn biên chế chưa sử dụng, ..., cụ thể:

- Năm 2024: giảm 104 người;
- Năm 2025: giảm 22 người;



- Năm 2026: giảm 23 người;

- Năm 2027: giảm 11 người.

Theo đó, đến ngày 31/12/2027 sẽ không còn cán bộ, công chức cấp xã dôi dư; đảm bảo số lượng theo quy định.

4. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại 21 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, thành lập là 280 người (bố trí đảm bảo theo quy định là 180 người, dôi dư 100 người). Dự kiến sắp xếp, bố trí hết đến ngày 31/12/2025, đảm bảo số lượng theo quy định.

Phương án giải quyết: Vận động, thuyết phục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

Như vậy, phương án tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức các cấp của thành phố Huế trực thuộc trung ương thực hiện theo hướng dẫn Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2019, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ và theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế (ban hành chính sách riêng); theo đó, chậm nhất đến năm 2029 (theo phương án của tỉnh Thừa Thiên Huế là chậm nhất đến năm 2027) sẽ hoàn thành việc sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp.

Quá trình thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy và giải quyết dôi dư gắn liền với việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng như cầu nhiệm vụ công việc của thành phố trực thuộc trung ương.

Phụ lục III
ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Kèm theo Tờ trình số: 496/TTr-CP ngày 20/9/2024 của Chính phủ)

| TT | Các tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
|-----|--|-----------------|-----------------------------------|--|------------|
| | | | Tiêu chuẩn | | |
| I | Quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) | Người | $\geq 1.000.000$ | 1.236.393 | Đạt |
| II | Diện tích tự nhiên | km ² | ≥ 1.500 | 4.947,11 | Đạt |
| III | Đơn vị hành chính trực thuộc | | | 2/2 | Đạt |
| 1 | Số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc | Đơn vị | ≥ 09 | 09 | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ số quận, thị xã, thành phố trực thuộc trên tổng số đơn vị hành chính cấp huyện (trong đó có ít nhất là 02 quận) | % | $\geq 30\%^1$ | 55,56% | Đạt |
| IV | Đã được công nhận là đô thị loại đặc biệt hoặc loại I; hoặc khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại đặc biệt hoặc loại I | | | Đã được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định phê duyệt công nhận đạt tiêu chí đô thị loại I | Đạt |
| V | Cơ cấu và trình độ phát triển KT - XH | | | 6/6 | Đạt |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | | Đủ | Đủ | Đạt |
| 2 | Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước | Lần | $\geq 0,875^2$ | 0,95 | Đạt |
| 3 | Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của cả nước (5,21%) | 6,66% | Đạt |
| 4 | Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của cả nước (3,75%) | 3,59% | Đạt |
| 5 | Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế | % | $\geq 90\%$ | 91,06% | Đạt |
| 6 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành | % | $\geq 90\%$ | 90,03% | Đạt |

¹ Theo quy định, chỉ tiêu Tỷ lệ số quận, thị xã, thành phố trực thuộc trên tổng số đơn vị hành chính cấp huyện (trong đó có ít nhất là 02 quận) từ 60% trở lên. Áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì đối với thành phố Huế trực thuộc Trung ương chỉ tiêu này chỉ cần đạt 30% (bằng 50% so với quy định), tỉnh Thừa Thiên Huế đã vượt so với tiêu chuẩn đặc thù, đồng thời theo định hướng phát triển đô thị đến năm 2030, thành phố Huế sẽ thành lập quận Hương Thủy; theo đó chỉ tiêu này sẽ đạt 66,67% cao hơn mức quy định.

² Theo quy định, chỉ tiêu Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước từ 1,75 lần trở lên. Áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì thành phố Huế trực thuộc Trung ương chỉ cần đạt 0,875 lần (bằng 50% so với quy định) tỉnh Thừa Thiên Huế đã vượt so với tiêu chuẩn đặc thù, đồng thời theo định hướng phát triển, thành phố Huế có những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế toàn xã hội, tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm cho người lao động để đạt tiêu chuẩn theo quy định mà không cần áp dụng đặc thù.